**1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học sinh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Yêu nước | |
|  | - Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.  - Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.  - Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước. |
| Nhân ái | |
| Yêu quý mọi người | - Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.  - Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè.  - Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.  - Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai. |
| Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người | - Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình.  - Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.  - Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn. |
| Chăm chỉ | |
| Ham học | - Đi học đầy đủ, đúng giờ.  - Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.  - Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết.  - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày. |
| Chăm làm | - Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân.  - Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân. |
| Trung thực | |
|  | - Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.  - Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.  - Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác.  - Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống. |
| Trách nhiệm | |
| Có trách nhiệm với bản thân | - Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ.  - Có ý thức sinh hoạt nền nếp. |
| Có trách nhiệm với gia đình | - Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình.  - Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình. |
| Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội | - Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công.  - Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau.  - Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng.  - Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.  - Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. |
| Có trách nhiệm với môi trường sống | - Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích.  - Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.  - Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên. |

**2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung của học sinh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Năng lực tự chủ và tự học | |
| Tự lực | Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn. |
| Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng | Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng. |
| Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình | - Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác.  - Hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác.  - Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác. |
| Thích ứng với cuộc sống | - Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề.  - Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau. |
| Định hướng nghề nghiệp | - Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân.  - Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình. |
| Tự học, tự hoàn thiện | - Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.  - Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô.  - Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết.  - Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt. |
| Năng lực giao tiếp và hợp tác | |
| Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp | - Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân.  - Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản.  - Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng.  - Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp. |
| Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn | - Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn.  - Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn. |
| Xác định mục đích và phương thức hợp tác | Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô. |
| Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân | Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công. |
| Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác | Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp. |
| Tổ chức và thuyết phục người khác | Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công. |
| Đánh giá hoạt động hợp tác | Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô. |
| Hội nhập quốc tế | - Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới.  - Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường. |
| Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo | |
| Nhận ra ý tưởng mới | Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn. |
| Phát hiện và làm rõ vấn đề | Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi. |
| Hình thành và triển khai ý tưởng mới | Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện. |
| Đề xuất, lựa chọn giải pháp | Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn. |
| Thiết kế và tổ chức hoạt động | - Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn.  - Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động. |
| Tư duy độc lập | Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót. |

**3. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của học sinh**

**a) Năng lực ngôn ngữ**

Năng lực ngôn ngữ của học sinh bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, chương trình môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

**b) Năng lực tính toán**

Năng lực tính toán của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;

- Tư duy toán học;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Toán.

**c) Năng lực khoa học**

Năng lực khoa học của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;

- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó các môn học chủ đạo là: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí (ở cấp tiểu học); Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí (ở cấp trung học cơ sở); Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông). Chương trình mỗi môn học, hoạt động giáo dục giúp học sinh tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu được nâng cao dần qua các cấp học (năng lực khoa học; năng lực khoa học tự nhiên, năng lực khoa học xã hội; năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học; năng lực lịch sử và địa lí, năng lực lịch sử, năng lực địa lí).

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí (ở cấp tiểu học); Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí (ở cấp trung học cơ sở); Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật (ở cấp trung học phổ thông).

**d) Năng lực công nghệ**

Năng lực công nghệ của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;

- Giao tiếp công nghệ;

- Sử dụng công nghệ;

- Đánh giá công nghệ;

- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ và được thực hiện ở chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Công nghệ là chủ đạo.

**đ) Năng lực tin học**

Năng lực tin học của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;

- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Tin học và được thực hiện trong toàn bộ các chương trình môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Tin học là chủ đạo.

**e) Năng lực thẩm mĩ**

Năng lực thẩm mĩ của học sinh bao gồm năng lực âm nhạc, năng lực mĩ thuật, năng lực văn học; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ;

- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ;

- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mĩ đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Ngữ văn và được thực hiện trong chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó ba môn học đã nêu là chủ đạo.

**g) Năng lực thể chất**

Năng lực thể chất của học sinh được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Chăm sóc sức khỏe;

- Vận động cơ bản;

- Hoạt động thể dục thể thao.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thể chất đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Giáo dục thể chất và được thực hiện trong chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Giáo dục thể chất là chủ đạo.